

1. Viết vào ô trống (theo mẫu) :

Đọc	Viết
Hai trăm mười lăm đề-ca-mét vuông	215dam ²
Mười tám nghìn bảy trăm đề-ca-mét vuông	
	9105dam ²
	821hm ²
Bảy mươi sáu nghìn không trăm ba mươi héc-tô-mét vuông	

2. a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$3\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$2\text{dam}^2 90\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$15\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$17\text{dam}^2 5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$500\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$20\text{hm}^2 34\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$7000\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

$$892\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$$

b) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :

$$1\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$1\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

$$4\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$7\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

$$38\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$52\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

3. Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là đề-ca-mét vuông (theo mẫu) :

Mẫu : $7\text{dam}^2 15\text{m}^2 = 7\text{dam}^2 + \frac{15}{100}\text{dam}^2 = 7\frac{15}{100}\text{dam}^2$.

$$6\text{dam}^2 28\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 + \dots\dots\dots \text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$25\text{dam}^2 70\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 + \dots\dots\dots \text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$64\text{dam}^2 5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 + \dots\dots\dots \text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$